

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-PT

Ngày: 09-3-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Phước Hiệu, bà Vũ Thị Thanh Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:***  
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971;

Bà Dương Thị C, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông G, bà P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào năm 2016, bà cho ông Nguyễn Văn G vay số tiền 700.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh của gia đình, việc vay số tiền này được thực hiện lần lượt như sau: ngày 24/5/2016 âm lịch ông G vay số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này bà giao trực tiếp cho ông G; ngày 24/5/2016 âm lịch ông Nguyễn Văn G có vay số tiền 600.000.000 đồng, số tiền này bà giao cho con gái ông G là bà Nguyễn Thị T nhận thay và giao lại cho ông Nguyễn Văn G; thời hạn vay hai bên thỏa thuận khi nào bà yêu cầu thì vợ chồng ông Nguyễn Văn G phải trả số tiền này cho bà; về lãi suất vay hai bên thỏa thuận 1%/tháng, tuy nhiên vợ chồng ông Nguyễn Văn G mới trả cho bà vài tháng tiền lãi và từ năm 2017 đến nay không trả lãi nữa; giao dịch thể hiện bằng giấy mượn tiền bà đã cung cấp cho Tòa án để chứng minh. Từ đầu năm 2018 đến nay, bà đã yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn G, bà Dương Thị C trả khoản nợ vay nhưng họ không thực hiện nên bà đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bà đã tạo điều kiện để vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C trả nợ nhưng họ không có thiện chí nên bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C có nghĩa vụ trả số tiền 700.000.000 đồng nợ gốc cho bà và không yêu cầu trả tiền lãi.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C trình bày:*

Ông, bà thừa nhận vào năm 2016 có vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Kim P với tổng số tiền 700.000.000 đồng để phát triển kinh tế gia đình; việc vay tiền như bà Nguyễn Thị Kim P trình bày, ông bà chưa trả khoản nợ gốc nào cho bà Nguyễn Thị Kim P, lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/tháng và không tranh chấp về tiền lãi; khi vay hai bên xác lập giấy tờ có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn G, giấy tờ này do bà Nguyễn Thị Kim P giữ. Ông, bà đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P nhưng đề nghị bà Nguyễn Thị Kim P giảm một phần nợ gốc để ông, bà trả nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.*

Ngày 25/02/2022, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải thành để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án, tuy nhiên ngày 28/02/2022 bà Nguyễn Thị Kim P có đơn xin thay đổi ý kiến không tiếp tục đồng ý với thỏa thuận trước đó nữa, nên trường hợp này được xem như hòa giải không thành. Ngày 28/6/2022, Tòa án nhân dân huyện N đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 14/2022/DS-ST, quyết định:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng nợ gốc cho bà Nguyễn Thị Kim P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 22/7/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn G thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Kim P 700.000.000đ, nhưng ông cho rằng đã trả lãi cho bà P với lãi suất 5%/tháng từ khi vay đến nay, ông đề nghị trừ tiền lãi đã trả vào tiền gốc để giảm bớt nợ gốc cho ông, ông không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Ông đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong vụ án, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về phạm vi kháng cáo: Ông Nguyễn Văn G kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do Thẩm phán áp dụng trước khi xét xử sơ thẩm, trong Bản án sơ thẩm có tuyên nội dung tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo này của ông Nguyễn Văn G.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn G yêu cầu trừ tiền lãi đã trả vào nợ gốc: Ông G thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà P 700.000.000đ. Ông cho rằng khi vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và ông đã trả lãi 35.000.000đ/tháng cho bà P kể từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm, nên ông yêu cầu trừ số tiền lãi đã trả vào tiền gốc. Bà P không đồng ý với trình bày của ông G, bà cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng và ông G chỉ trả được vài tháng tiền lãi rồi không trả nữa. Xét thấy, về mức lãi suất: Trong giấy mượn tiền, hai bên không ghi lãi suất thỏa thuận, ông G cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không được bà P thừa nhận và ông G cũng không có tài liệu nào chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận này. Về số tiền lãi thực trả: Ông G trình bày đã trả lãi cho bà P 35.000.000đ/tháng nhưng ông cũng không nhớ là đã trả được bao nhiêu tháng, không có tài liệu nào chứng minh cho việc trả lãi, bà P không thừa nhận nên trình bày của ông G là không có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để trừ tiền lãi vào tiền gốc như yêu cầu của ông G. Kháng cáo của ông G về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn G phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn G; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện N.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim P.

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng nợ gốc cho bà Nguyễn Thị Kim P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009667 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn G và bà Dương Thị C phải chịu 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006495 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Ông G đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/3/2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA, THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quân**